TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2017/DS-ST
Ngày: 04-7-2017
V/v tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng mua bán tài sản và Đòi tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Anh Thư.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Tô Ngọc Liêm.**

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Huệ**.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Phạm Văn Dương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên toà:* Bà **Đoàn Thụy Thùy Trang** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2016/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2016 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng mua bán tài sản và Đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2017/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị C1 (Bích C) –** Sinh năm 1976 (Có mặt)**.**

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

2. Bị đơn: Bà **Mai Thị Kim C2 (H)** – Sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Ông **Nguyễn Văn H –** Sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Cùng ngụ ấp T, xã B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 10.6.2016, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn bà Vũ Thị C1 trình bày: Bà có cho bà C2 vay tiền nhiều lần, với lãi suất 1.000.000 đồng thì mỗi tháng tiền lãi là 50.000 đồng. Cụ thể:

+ Vào ngày 25.8.2005 (âm lịch) số tiền là 3.000.000 đồng;

+ Vào ngày 16.11.2005 (âm lịch) số tiền là 2.000.000đồng;

+ Vào ngày 16.3.2006 (âm lịch) số tiền là 1.000.000đồng;

+ Vào ngày 16.3.2006 (âm lịch) số tiền là 4.000.000đồng;

+ Vào ngày 28.3.2006 (âm lịch) số tiền là 5.000.000đồng.

Việc bà cho bà C2 vay theo từng đợt có ghi cụ thể trong sổ nợ của bà do bà C2 trực tiếp ghi và ký tên, đến ngày 28.7.2006 (âm lịch) bà C2 có trả vốn cho bà số tiền 4.000.000 đồng và trả lãi được số tiền 184.000đồng. Sau đó, giữa bà với bà C2 chốt lại số nợ và bà C2 trực tiếp ghi vào sổ nợ của bà số tiền tổng cộng là 11.000.000 đồng. Ngoài ra, bà C2 có mua tạp hóa tại cửa hàng của bà C1 từ năm 2005 còn nợ lại số tiền 860.000đồng. Nay bà C1 yêu cầu vợ chồng bà C2 ông H trả cho bà số tiền vay còn nợ là 11.000.000đồng, tiền mua tạp hóa còn nợ là 860.000đồng. Đồng thời bà C1 yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 28.7.2006 trên số tiền vay. Lý do bà C1 yêu cầu vợ chồng bà C2, ông H cùng trả số tiền trên vì bà C2 vay tiền để làm vốn chăn nuôi trong gia đình và khi bà đến nhà bà C2 để đòi nợ thì ông H chồng bà C2 có hứa trả số tiền trên cho bà. Giấy ký nhận nợ mà bà C1 cung cấp cho Tòa án do bà cắt ra từ sổ ghi nợ từ trước đến nay, ngoài ra không có sổ nào khác.

Ngày 04.01.2017 bà Vũ Thị C1 (Bích C) có đơn sửa đổi, bổ sung thay đổi yêu cầu khởi kiện: Bà Vũ Thị C1 yêu cầu bà Mai Thị Kim C2 (H) và ông Nguyễn Văn H trả cho bà số tiền 11.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi. Bà C1 không yêu cầu bà C2, ông H trả cho bà số tiền mua tạp hóa 860.000 đồng. Bà C1 rút lại yêu cầu đối với Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng mua bán tài sản.

Tại phiên tòa hôm nay bà Vũ Thị C1 (Bích C) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Mai Thị Kim C2 (H) trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng không đăng ký kết hôn, hiện nay bà và ông H vẫn còn sống chung. Vào khoảng năm 2005 bà có vay tiền của bà C1 02 lần, cụ thể:

+ Vào ngày 20.5.2005 (âm lịch) số tiền 5.000.000đồng;

+ Vào ngày 28.7.2005 (âm lịch) số tiền 5.000.000đồng.

Tổng cộng số tiền bà vay của bà C1 là 10.000.000đồng, lãi suất 1.000.000đồng mỗi tháng 50.000đồng, việc vay không xác định thời hạn trả, mục đích vay để vợ chồng chăn nuôi vịt. Sau khi vay bà có trả lãi cho bà C1 được 01 năm với số tiền 6.000.000đồng đến tháng 9 năm 2006 bà có trả cho bà C1 hết số tiền 10.000.000đồng và số tiền mua tạp hóa 860.000đồng, bà còn nợ bà C1 tiền lãi 04 tháng chưa trả là 2.000.000đồng. Khi vay bà có ghi vào sổ nợ của bà C1 và khi trả tiền vốn bà cũng ghi vào sổ nợ của bà C1. Loại giấy trong sổ là loại giấy cũ, màu xám, còn việc bà trả lãi hàng tháng cho bà C1 bà chỉ đưa qua tay không có làm giấy tờ, không ghi vào sổ. Bà C2 không thừa nhận sổ nợ do bà C1 cung cấp cũng như biên nhận chốt lại số nợ do bà C1 cung cấp. Đối với số tiền lãi 2.000.000đồng bà xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi dứt nợ. Bà không yêu cầu khấu trừ phần lãi suất theo quy định pháp luật.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà C1 với vợ chồng ông H, bà C2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và được xác lập bằng tờ biên nhận có nội dung: "Ngày 28.7.2006 H lấy 8.000.000đ, ngày 12.8.2006 H lấy thêm 3.000.000đ" và Kết luận giám định số 381 ngày 18.10.2016 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, xác định: Chữ viết có nội dung H lấy tiền ngày 28.7.2006 8.000.000đ, lấy thêm 3.000.000đ ngày 12.8.2006 trên tập học sinh và chữ viết của bà Mai Thị Kim C2 trên các tài liệu so sánh là do cùng một người viết ra. Vì vậy, việc bà C1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H, bà C2 trả 11.000.000đ là có cơ sở.

Phía bà C2 chỉ thừa nhận nợ 10.000.000đ và đã trả xong nhưng bà không đưa ra chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Ngoài ra, bà C2 có yêu cầu xin trả dần 500.000đ/tháng nhưng không được bà C1 đồng ý nên không xét đến.

Đối với số tiền mua tạp hóa 860.000đ và lãi suất, bà C1 đã rút lại yêu cầu khởi kiện này nên cần đình chỉ theo quy định.

Bị đơn bà Mai Thị Kim C2 (H) và ông Nguyễn Văn H đã được Tòa triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng bà C2 và ông H vẫn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến cũng như lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về pháp luật tố tụng: [1] Bà Vũ Thị C1 (Bích C) khởi kiện bà Mai Thị Kim C2 (H) và ông Nguyễn Văn H. Bà Mai Thị Kim C2 (H) và ông Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại ấp T, xã B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Bị đơn bà Mai Thị Kim C2 (H) và ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Mai Thị Kim C2 (H) và ông Nguyễn Văn H là có căn cứ.

[3] Ngày 04.01.2017 bà Vũ Thị C1 (Bích C) có đơn sửa đổi, bổ sung thay đổi yêu cầu khởi kiện: Bà Vũ Thị C1 (Bích C) yêu cầu bà Mai Thị Kim C2 (H) và ông Nguyễn Văn H trả cho bà số tiền 11.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi. Bà C1 không yêu cầu bà C2, ông H trả cho bà số tiền mua tạp hóa 860.000 đồng. Bà C1 rút lại yêu cầu đối với Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng mua bán tài sản. Xét thấy, việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị C1 (Bích C) không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và việc rút một phần yêu cầu của bà Vũ Thị C1 (Bích C) là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị C1 (Bích C) và đình chỉ xét xử đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị C1 (Bích C).

- Về pháp luật nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị C1 (Bích C) yêu cầu bà Mai Thị Kim C2 (H) và ông Nguyễn Văn H trả cho bà số tiền 11.000.000đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Mai Thị Kim C2 (H) thừa nhận bà trực tiếp vay tiền nhiều lần của bà Vũ Thị C1 (Bích C). Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có cơ sở xác định các bên đã xác lập Hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005.

[5] Bà Vũ Thị C1 (Bích C) cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy ký nhận vay tiền. Bà Mai Thị Kim C2 (H) chỉ thừa nhận vay tiền của bà Vũ Thị C1 (Bích C) 02 lần vào khoảng năm 2005 tổng cộng 10.000.000đồng và bà đã trả cho bà Vũ Thị C1 (Bích

C) hết số tiền 10.000.000đồng. Bà Mai Thị Kim C2 (H) không thừa nhận sổ nợ cũng như biên nhận chốt lại số nợ do bà Vũ Thị C1 (Bích C) cung cấp. Hội đồng xét xử nhận thấy, theo quy định pháp luật thì đương sự phải có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, tuy nhiên bà Mai Thị Kim C2 (H) không cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc bà chỉ vay tiền của bà Chi số tiền 10.000.000 đồng và đã trả xong. Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà Mai Thị Kim C2 (H) trong giấy ký nhận vay tiền do bà Vũ Thị C1 (Bích C) cung cấp. Kết quả giám định thể hiện, chữ viết trong "Giấy kí nhận vay tiền" và chữ ký tên "H" trên tờ "Giấy kí nhận vay tiền" so với chữ viết và chữ ký của bà Mai Thị Kim C2 (H) trên các mẫu so sánh là do cùng một người viết và ký ra nên có cơ sở xác định số tiền bà Mai Thị Kim C2 (H) còn nợ bà Vũ Thị C1 (Bích C) là 11.000.000 đồng.

[6] Quá trình điều tra và tại phiên Tòa hôm nay, bà Vũ Thị C1 (Bích C) xác định chỉ đòi số tiền 11.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi nên có cơ sở xác định đây là tranh chấp đòi tài sản (tiền) và yêu cầu của bà C1 phù hợp theo quy định tại Điều 256 Bộ luật dân sự 2005 xét nên chấp nhận yêu cầu của bà Vũ Thị C1 (Bích C).

[7] Đối với ông Nguyễn Văn H tuy không trực tiếp vay tiền của bà Vũ Thị C1 (Bích C) và không ký tên trong giấy kí nhận nợ vay tiền, nhưng bà Mai Thị Kim C2 (H) xác định vay tiền để vợ chồng chăn nuôi vịt, việc bà vay tiền của bà Vũ Thị C1 (Bích C), ông Nguyễn Văn H biết. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là số nợ phát sinh trong quá trình sống chung của bà Mai Thị Kim C1 (H) và ông Nguyễn Văn H nên nghĩ buộc ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới với bà Mai Thị Kim C2 (H) trả cho bà Vũ Thị C1 (Bích C) số tiền 11.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 298 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 37 Luật hôn nhân gia đình 2014.

[8] Về nghĩa vụ chịu chi phí giám định: Do kết quả giám định chứng minh yêu cầu của bà Vũ Thị C1 (Bích C) là có căn cứ nên bà Mai Thị Kim C2 (H) và ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ chịu chi phí giám định. Phần chi phí này bà Vũ Thị C1 (Bích C) đã tạm nộp nên buộc bà Mai Thị Kim C2 (H) và ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Vũ Thị C1 (Bích C) chi phí giám định là phù hợp theo quy định tại Điều 161 và Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 227, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 256, Điều 298, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005;

- Điều 37 Luật hôn nhân gia đình 2014;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị C1 (Bích C) đối với bà Mai Thị Kim C2 (H) và ông Nguyễn Văn H.

+ Buộc bà Mai Thị Kim C2 (H) và ông Nguyễn Văn H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Vũ Thị Bích C1 (Bích C) số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị C1 (Bích C) đối với Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng mua bán tài sản.

- Án phí dân sự sơ thẩm: 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) bà Mai Thị Kim C2 (H) và ông Nguyễn Văn H phải chịu.

Hoàn lại cho bà Vũ Thị C1 (Bích C) số tiền tạm ứng án phí là 296.000 đồng (Hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004270, ngày 13.6.2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Chi phí giám định: 3.350.000 đồng (Ba triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng) bà Mai Thị Kim C2 (H) và ông Nguyễn Văn H phải chịu. Bà Vũ Thị C1 (Bích C) đã tạm nộp nên buộc bà Mai Thị Kim C (H) và ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Vũ Thị C1 (Bích C) số tiền 3.350.000 đồng (Ba triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho bên được thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện Chợ Mới;
-Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Anh Thư